TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2018/KDTM – ST
Ngày 17 tháng 8 năm 2018.
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Duy Chiến.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông: Lục Văn Vãn.
Bà: Vũ Thị Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Triệu Thế Hùng - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2018/TLST - KDTM ngày 22 tháng 3 năm 2018 về Tranh chấp "Hợp đồng Mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST – KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2018; Quyết định Hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST – KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 17 /2018/QĐST – KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2018; Quyết định tạm ngừng phiên Tòa số 01/2018/QĐST – KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 60/TB-TA ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H.
Địa chỉ: Số nhà 638, đường H, tổ 20, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai.
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn N.
Địa chỉ: Tổ 9, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
- Anh Văn Minh N;

Địa chỉ: Số nhà 638, đường H, tổ 20, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Thu H.

Địa chỉ: Tổ 9, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:

Chị là hộ kinh doanh cá thể có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 14/10/2008, nghành nghề kinh doanh mua, bán thiết bị điện tử, văn phòng phẩm… Trong quá trình kinh doanh anh Đỗ Văn N có cửa hàng tại số 10, H có mua hàng về để bán lại cho các đại lý trên địa bàn các huyện trong tỉnh. Trong thời gian từ tháng 5/2016 đến 7/2016 anh Đỗ Văn N đã mua hàng với số tiền chưa thanh toán là 134.000.000 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu đồng), ngày 09/7/2016 chị và anh Văn Minh N chồng chị có đến đòi nợ thì anh Đỗ Văn N đã thanh toán cho 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng), số còn lại khất nợ và anh Đỗ Văn N giao cho vợ chồng chị Hương – Nam 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT258967, có diện tích đất thổ cư là 90 m^2 tại xã Đồng Tuyển. Hai bên thỏa thuận miệng là bìa đỏ giao cho chị Hương để làm tin và sẽ lấy hàng công nợ trong phạm vi tối đa là 200.000.000đ 9hai trăm triệu đồng) sau đó sẽ thanh toán gối đầu các lô hàng. Từ ngày 22/7/2016 đến ngày 26/8/2016 anh Nam tiếp tục lấy hàng và số nợ cộng dồn của kỳ trước vào là 194.750.000 đồng (một trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) thì ngừng không lấy nữa. Hai bên có xác nhận đối trừ công nợ đến ngày 08/10/2016 và hẹn đến hết ngày 18/10/2016 thì trả. Đến hẹn anh Đỗ Văn N không trả, do đòi nhiều lần anh Nam đã thanh toán 3 lần được 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng). Số tiền còn nợ lại là 104.750.000 đồng (một trăm linh bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Nay chị Hương yêu cầu anh Đỗ Văn N thanh toán số nợ trên và yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng, thời hạn chậm thanh toán là 18 tháng tính từ ngày 18/10/2016. Số tiền lãi được tính là 104.750.000 đồng x 1,5 x 18 tháng = 28.282.500 đồng (hai mươi tám triệu hai trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Tổng cả gốc và lãi chị Hương yêu cầu anh Đỗ Văn N thanh toán là 133.032.500 đồng (một trăm ba mươi ba triệu không trăm ba hai nghìn năm trăm đồng).

Tại bản khai ngày 11/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đỗ Văn N trình bày:

Anh Đỗ Văn N xác nhận năm 2016 anh có mua hàng của chị Trần Thị Thu H mục đích là kinh doanh và bán lại cho đại lý các huyện khác, anh mua hàng đến tháng 7/2016 thì chấm dứt vì lý do hàng có lỗi và anh đã phải lấy hàng về và trả lại hàng. Sau đó hai bên đã đối trừ công nợ tại bảng chi tiết giao dịch và hẹn thanh toán vào ngày 18/10/2016 và chốt sổ không lấy hàng nữa. Sau đó anh đã đưa tiền cho chị Nguyễn Thị Thu H (thời gian đó vẫn còn là vợ) đi trả và đã trả song số nợ trên. Nay chị Hương khởi kiện đòi số tiền còn nợ lại là 104.750.000 đồng (một trăm linh bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng, anh không đồng ý. Anh cho rằng nếu còn nợ lại thì đây là nợ chung của anh và chị Nguyễn Thị Thu H vì thời gian đó anh và chị Hà vẫn là vợ chồng chưa ly hôn, ngoài ra anh cho rằng anh chỉ đi lấy hàng hộ bà Dương Thị Thanh Tâm (mẹ chị Nguyễn Thị Thu H) là chủ cửa hàng có giấy phép đăng ký kinh doanh, tại địa chỉ số nhà 010, đường Hoàng Quốc Việt, phường Bắc Lệnh, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai vì vậy số nợ này là của bà Dương Thị Thanh Tâm.

Tại bản khai ngày 04/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Văn Minh N trình bày:

Anh là chồng của chị Trần Thị Thu H, gia đình có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mang tên chị Hương, nghành nghề kinh doanh mua, bán thiết bị điện tử, văn phòng phẩm. Số nợ mà anh Đỗ Văn N còn nợ lại đúng như chị Hương đã trình bày, đây là tài sản chung của anh và chị Hương, nay anh yêu cầu anh Đỗ Văn N phải trả cả gốc và lãi như chị Hương đã trình bày.

Tại bản khai ngày 17/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị xác nhận chị và anh Đỗ Văn N kết hôn với nhau năm 2013, đến tháng 4 năm 2017 thì ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 38/2017/QĐST – HNGĐ ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Khoản tiền chị Trần Thị Thu H khởi kiện anh Đỗ Văn N còn nợ trong thời kỳ hôn nhan còn tồn tại nhưng đây là khoản nợ do anh Nam trực tiếp lấy hàng của chị Hương rồi đem đi bán, thời gian đó vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, về kinh tế không còn liên quan đến nhau, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn cũng chính là do anh N buôn bán nợ nần nhiều không thấy mang tiền về. Vào thời điểm cuối năm 2016 chị Hương có nói cho chị biết khoản nợ của anh Nam là trên 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), chị có nói với chị Hương là anh Nam lấy hàng mang đi bán ở đâu chị không biết, khi lấy hàng và bán hàng cũng không nói cho chị biết. Do không đòi được tiền của anh N nên chị H đã cho một số đối tượng vào nhà đòi tiền, chị đã phải đi vay mượn 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng) của em gái Nguyễn Thị Vân A, vay mượn 55.000.000đ (năm mươi năm triệu đồng)

của mẹ là bà Dương Thị Thanh T để trả nợ cho anh Nam, thời gian đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên không có chuyện anh Nam đưa tiền để trả cho chị Hương. Đối với số tiền 104.750.000 đồng (một trăm linh bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) chị Hương khởi kiện là nợ riêng của anh Đỗ Văn N, chị không liên quan. Đề nghị Tòa án buộc anh Đỗ Văn N phải thanh toán cho chị Hương và anh Văn Minh N số tiền trên.

Tại phiên Tòa:

Anh Văn Minh N xác nhận sau khi anh Đỗ Văn N không trả nợ thì chị Nguyễn Thị Thu H (thời gian đó là vợ anh N) có thanh toán được 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) vào các ngày 26/12/2016, 27/12/2016 và 13/01/2017 chứ không phải anh Nam thanh toán như trong đơn khởi kiện đã ghi.

Anh Văn Minh N chồng chị H khẳng định anh không biết bà Dương Thị Thanh T là ai, anh chỉ bán hàng cho anh Đỗ Văn N, tại bản chi tiết giao dịch anh Đỗ Văn N có ký xác nhận và hẹn hết ngày 18/10/2016 sẽ thanh toán, như vậy số nợ trên là của anh Đỗ Văn N, nay anh yêu cầu anh Đỗ Văn N thanh toán số nợ 104.750.000 đồng (một trăm linh bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó tiền nợ do mua hàng là 94.750.000đ (chín mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền trả công cho việc đi tìm anh Đỗ Văn N. Yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng đến ngày hôm nay 17/8/2018 là 21 tháng 28 ngày tính từ ngày 19/10/2016 đến 17/8/2018. Số tiền lãi được tính là 104.750.000 đồng x 1,5 x 21 tháng 28 ngày = 34.462.000 đồng (ba mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Tổng cả gốc và lãi chị Hương yêu cầu anh Đỗ Văn N thanh toán là 139.212.000 đồng (một trăm ba mươi chín triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai có quan điểm: Thẩm phán, hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật. Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Thu H, bị đơn anh Đỗ Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự ở trên

Căn cứ vào Điều 24; Điều 50 và Điều 56, Điều 306 Luật Thương mại 2005; Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Đỗ Văn N phải thanh toán cho chị Trần Thị Thu H và anh Văn Minh N số tiền

nợ gốc do mua bán hàng hóa là 94.750.000đ (chín mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và lãi xuất theo qui định, không chấp nhận yêu cầu của chị Hương buộc anh Đỗ Văn N phải thanh toán 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền công đi tìm anh Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Thu H là hộ kinh doanh cá thể, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong quá trình kinh doanh anh Đỗ Văn N mua hàng về để bán, sau khi mua hàng anh Đỗ Văn N chưa thanh toán tiền, chị Trần Thị Thu H khởi kiện anh Nam. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết, bị đơn có địa chỉ tại thành phố Lào Cai, vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai thụ lý và giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Thu H, bị đơn anh Đỗ Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự ở trên.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Thu H xác nhận trong khoảng thời gian từ tháng 5/2016 đến 8/2016 anh Đỗ Văn N có mua một số hàng hóa, sau đó hai bên có chốt sổ đến ngày 08/10/2016 và còn nợ lại là 194.750.000 đồng (một trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) hẹn đến 18/10/2018 thanh toán hết, đến hẹn anh Đỗ Văn N không thanh toán chị đã đi đòi nhiều lần và chị Nguyễn Thị Thu H thời gian đó là vợ anh Nam đã trả được 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), số tiền còn nợ lại là 94.750.000đ (chín mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Nay chị yêu cầu anh Đỗ Văn N phải thanh toán cho chị số tiền còn nợ lại và thêm 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền thuê người đi tìm anh Nam, tổng cộng anh Nam phải trả là 104.750.000 đồng (một trăm linh bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

[2.2] Xét thấy tại bản tự khai ngày 11/4/2018 thì anh Đỗ Văn N xác nhận có giao dịch mua bán hàng hóa với gia đình chị Trần Thị Thu H, sau đó chấm dứt vì hàng bị lỗi và đã chốt sổ không giao dịch, tại phiên Tòa ngày 20/7/2018 anh Đỗ Văn N cũng xác nhận chữ ký trong bản chi tiết giao dịch do chị H lập và hai bên đối trừ công nợ đến ngày 08/10/2016 là chữ ký của anh, tại bản khai thì anh cho

rằng số nợ trên là nợ chung của anh và chị Nguyễn Thị Thu H, thời gian mua hàng anh và chị Hà vẫn sống chung với nhau chưa ly hôn. Như vậy việc anh Đỗ Văn N có mua hàng hóa của chị Trần Thị Thu H từ thời gian 5/2016 đến 8/2016 và hai bên đối trừ công nợ đến ngày 08/10/2016 và hẹn thanh toán hết ngày 18/10/2016 là có thật.

[2.3] Tại phiên Tòa ngày 20/7/2018 anh Đỗ Văn N cho rằng khoản nợ của chị Hương là của bà Dương Thị Thanh Tâm, là mẹ của chị Hà, người đứng tên trong giấy đăng ký kinh doanh, anh chỉ là người làm thuê. Tại bản khai ngày 01/8/2018 bà Dương Thị Thanh T không xác nhận việc này, Tòa án đã triệu tập anh Nam để đối chất nhưng anh Nam có đơn không đối chất, mặt khác chị Trần Thị Thu H và chồng là anh Văn Minh N xác nhận là không biết bà Tâm là ai và cũng không giao dịch mua bán lần nào. Như vậy số nợ tại bản chi tiết giao dịch in ngày 08/10/2016 có chữ ký của anh Đỗ Văn N là do anh Nam giao dịch mua bán hàng hóa với chị Hương và chồng là anh Văn Minh N mà có, không có cơ sở số nợ trên là của bà Dương Thị Thanh T

[2.4] Đối với yêu cầu của anh Đỗ Văn N cho rằng số nợ mà chị Hương yêu cầu giải quyết là nợ chung của anh và chị Nguyễn Thị Thu H, anh đã đưa tiền cho chị Hà để trả và đã trả hết. Tại bản tự khai thì chị Hà xác nhận chị và anh Đỗ Văn N kết hôn với nhau năm 2013, đến tháng 4/2017 thì ly hôn, như vậy thời gian từ tháng 5/2016 đến 8/2016 chị Hà và anh Đỗ Văn N vẫn sống chung với nhau, tại bản tự khai ngày 17/5/2018 chị Hà xác nhận cuối năm 2016 chị Hương có thông báo cho chị biết là anh Đỗ Văn N có nợ khoảng 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) do không đòi được anh Nam nên chị Hương đã cho một số đối tượng vào nhà, do sợ chị Hà đã phải đi vay tiền của em gái Nguyễn Thị Vân Anh 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng) và của mẹ đẻ bà Dương Thị Thanh T 55.000.000đ (năm mươi năm triệu đồng) để trả cho chị Hương vào ngày 26/12/2016, 27/12/2016 và 13/01/2017, trong quá trình giải quyết thì chị Hương và chồng là anh Văn Minh N cũng xác nhận việc này. Như vậy chị Hà mặc nhiên công nhận số nợ 194.750.000 đ (một trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tại bản chi tiết giao dịch in ngày 08/10/2016 là nợ chung của vợ chồng, anh Đỗ Văn N nói là có cơ sở, tuy nhiên anh Đỗ Văn N cho rằng đã đưa tiền cho chị Hà để trả nợ và đã trả hết, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu anh Nam cung cấp chứng cứ, chứng minh đã đưa tiền cho chị Hà, Tòa án đã thông báo để đối chất với chị Hà nhưng anh Nam không cung cấp và cũng không đến, vì vậy anh Nam nói đã đưa tiền cho chị Hà để trả nợ là không có cơ sở.

[3] Vì là nợ chung của vợ chồng nên nghĩa vụ trả nợ thuộc về anh Nam và chị Hà, tuy nhiên chị Hà đã trả được 100.000.000đ (một trăm triệu), số tiền trả nợ chị Hà đi vay mà có không phải là tài sản chung của vợ chồng, như vậy phần nghĩa vụ của chị Hà đã song, mặt khác tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện anh Đỗ Văn N, vì vậy nghĩa vụ

trả nợ thuộc về anh Đỗ Văn N là có cơ sở, buộc anh Đỗ Văn N phải trả cho chị Hương và anh Văn Minh N số nợ trên.

[4] Chị Trần Thị Thu H cho rằng anh Đỗ Văn N còn nợ lại là 94.750.000đ (chín mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), anh chị tính thêm 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền thuê người đi tìm anh Nam, tổng cộng anh Nam phải trả là 104.750.000 đồng (một trăm linh bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và tính lãi xuất từ ngày 19/10/2016 đến 17/8/2018 là 21 tháng 28 ngày. Số tiền lãi được tính là 104.750.000 đồng x 1,5% x 21 tháng 28 ngày = 34.462.000 đồng (ba mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Tổng cả gốc và lãi chị Hương yêu cầu anh Đỗ Văn N thanh toán là 139.212.000 đồng (một trăm ba mươi chín triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

Xét thấy việc chị Hương và anh Văn Minh N yêu cầu anh Đỗ Văn N thanh toán 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền công đi tìm là không có cơ sở, không chấp nhận yêu cầu này của chị Hương.

Đối với việc chị Hương yêu cầu tính lãi, xét thấy yêu cầu của chị Hương phù hợp với Điều 306 Luật thương mại năm 2005, cần được chấp nhận. Tuy nhiên việc chị Hương yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng là quá cao so với lãi suất vay trung hạn và lãi suất quá hạn trung bình của ba ngân hàng là Ngân hàng thương mại cổ phần và Đầu tư phát triển Việt Nam- Chi nhánh Lào Cai 11,0%/ năm; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Lào Cai 11,7%/năm; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương – Chi nhánh Lào Cai 11 %/năm (lãi suất trung bình tại thời điểm xét xử là 11,2%/năm tương đương 0,9 %/tháng). Như vậy việc chị Hương yêu cầu tính lãi 1,5 %/tháng tương đương 18%/năm cao hơn lãi suất quá hạn trung bình tại thời điểm xét xử, vì vậy không chấp nhận yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng của chị Hương, Hội đồng xét xử tính theo lãi xuất trung bình của ba ngân hàng ở trên là 0,9%/tháng. Như vậy số tiền lãi được tính như sau: 194.750.000đ x 0,9% x 21 tháng 28 ngày = 18.703.650 đồng; buộc anh Đỗ Văn N phải thanh toán cho chị Hương và anh Văn Minh N số tiền lãi ở trên.

Tổng cả gốc và lãi là 113.453.650đồng (một trăm mười ba triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên chị Hương không phải chịu án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại nhưng vì yêu cầu anh Đỗ Văn N thanh toán 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền công đi tìm không được tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại đối với yêu cầu không được chấp nhận. Anh Đỗ Văn N phải chịu án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 24; Điều 50 và Điều 56, Điều 306 Luật Thương mại 2005.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H và yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Văn Minh N.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thu H về việc yêu cầu anh Đỗ Văn N phải thanh toán tiền công đi tìm là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Anh Đỗ Văn N phải thanh toán cho chị Trần Thu Hương và anh Văn Minh N số tiền mua hàng từ ngày 26/5/2016 đến ngày 25/8/2016 được liệt kê tại bản chi tiết giao dịch in ngày 08/10/2016 số tiền gốc là 94.750.000 đ (chín mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và lãi là 18.703.650 đồng (mười tám triệu bảy trăm linh ba nghìn sáu trăm năm mươi đồng). Tổng cả gốc và lãi là 113.453.650đồng (một trăm mười ba triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

2.1 Chị Trần Thị Thu H không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu đã được tòa án chấp nhận.

Chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại đối với yêu cầu không được tòa án chấp nhận là 3.000.000đ (ba triệu đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.618.000 *(Hai triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm kinh doanh thương mại đã nộp theo biên lai số 000988 ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Chị Trần Thị Thu H còn phải nộp 382.000đ (ba trăm tám mươi hai nghìn đồng).

2.2. Anh Đỗ Văn N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.673.000 đ (năm triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng)**.**

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA, VKS tỉnh;
- VKSND TP Lào Cai;
- Đương sự (3);
- THA DS (2);
- Lưu TA,VP,HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Duy Chiến